

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN KIẾN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 485 /BVKA-DUOC

Hải Phòng, ngày 12 tháng 05 năm 2023

V/v Mời chào giá vật tư y tế phục vụ chuyên
khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại
Thần kinh lồng ngực, Ngoại Tiết niệu năm
2024-2025 của Bệnh viện Kiến An

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp trang thiết bị y tế.

Hiện nay Bệnh viện Kiến An đang có nhu cầu mua sắm vật tư y tế phục vụ chuyên khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại Thần kinh lồng ngực, Ngoại Tiết niệu năm 2024-2025 của Bệnh viện Kiến An (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*), bao gồm:

- Phụ lục 01: Danh mục trang thiết bị y tế phục vụ chuyên khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình năm 2024-2025 của Bệnh viện Kiến An;
- Phụ lục 02: Danh mục trang thiết bị y tế phục vụ chuyên khoa Ngoại Thần kinh lồng ngực năm 2024-2025 của Bệnh viện Kiến An;
- Phụ lục 03: Danh mục trang thiết bị y tế phục vụ chuyên khoa Ngoại Tiết niệu năm 2024-2025 của Bệnh viện Kiến An.

Bệnh viện kính mời các đơn vị quan tâm tham gia chào giá các mặt hàng này. Hồ sơ gồm có:

- Thư chào giá (*Theo mẫu Phụ lục 04 kèm theo*);
- Hồ sơ sản phẩm (Catalog; Đăng ký lưu hành trang thiết bị y tế; Phân loại trang thiết bị y tế; Thông số kỹ thuật; CFS và các tài liệu liên quan khác (nếu có) đến phân nhóm trang thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021).
- Đăng ký kinh doanh, hồ sơ năng lực nhà thầu, điện thoại/Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp bệnh viện cần liên lạc.

Kính mời các đơn vị quan tâm và đáp ứng yêu cầu trên đề nghị liên hệ và gửi hồ sơ báo giá (bản giấy) về địa chỉ: Khoa Dược – Bệnh viện Kiến An, số 35 Trần Tất Văn, phường Phù Liễn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Thời gian nhận thông tin về báo giá đến hết ngày 23 tháng 5 năm 2023. Thông tin cần giải đáp, xin liên hệ: Khoa Dược – Bệnh viện Kiến An (SĐT: 0868.505.724. Email: kdbvka@gmail.com).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN



GIÁM ĐỐC
TS.BS. Nguyễn Bá Phước

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ PHỤC VỤ CHUYÊN KHOA NGOẠI CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH NĂM 2024-2025

(Kèm theo Công văn số 485 /BVKA-DUOC ngày 12 tháng 5 năm 2023)

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương (Các thông số chỉ mang tính tham khảo, chênh lệch ± 10%)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Khớp háng bán phần không xi măng	- Chuôi chống xoay phủ nhám. Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V). Góc cổ-thân: 127 độ. Cổ chuôi liền thân, chiều dài cổ 32,4 mm. Phần nhám thân chuôi và ổ cối gồm 2 lớp phủ. Lớp phủ trong chất liệu Titanium phun plasma chân không. Lớp phủ ngoài chất liệu Calcium phosphate cấu trúc vi tinh thể (20µm), với 70% thành phần brushite hấp thụ nhanh, tăng độ nén xương 0.2 - 0.3mm, sợi nhám hình kim tương tự cấu trúc xương tự nhiên. Tổng độ dày 2 lớp phủ 740µm. - Chòm bán phần chất liệu CoCr, đường kính chòm: 22mm; 28mm . Vỏ đầu chòm chất liệu CoCr đánh bóng, có 25 cỡ. Size 38 - 43 mm dùng với chòm 22mm; size 44 - 62 mm dùng với chòm 28mm. Lớp lót polyethylene trọng lượng phân tử cao (UHMWPE) gắn trong vỏ đầu chòm.	Bộ	23
2	Khớp háng toàn phần không xi măng	- Chuôi chống xoay phủ nhám. Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V). Góc cổ-thân: 127 độ. Cổ chuôi liền thân, chiều dài cổ 32,4 mm. Phần nhám thân chuôi và ổ cối gồm 2 lớp phủ. Lớp phủ trong chất liệu Titanium phun plasma chân không. Lớp phủ ngoài chất liệu Calcium phosphate cấu trúc vi tinh thể (20µm), với 70% thành phần brushite hấp thụ nhanh, tăng độ nén xương 0.2 - 0.3mm, sợi nhám hình kim tương tự cấu trúc xương tự nhiên. Tổng độ dày 2 lớp phủ 740µm. - Ổ cối chất liệu hợp kim Titan. - Lớp lót CoCr các size - Lớp đệm polyethylenen các size tương ứng đường kính; - Chòm chất liệu CoCr, gồm các loại 22mm; 28mm. - Vít xương xếp tự taro chất liệu Titan	Bộ	23
3	Khớp vai bán phần	1. Chuôi cánh tay có xi măng: Vật liệu : (Ti6Al4V) với L 80 mm. 2. Cổ chuôi: Vật liệu : hợp kim Ti6Al4V cùng với vít khoá. 3. Đầu nối : Vật liệu: (Ti6Al4V) có 4 kích cỡ 0 : +2 : +4 :+8. 4. Chòm khớp: - Vật liệu : Cấu tạo bởi hợp kim CoCrMo. 5. Xi măng kháng sinh : Xi măng được nạp Gentamicin bột 40g đã được tiệt trùng, trong đó bao gồm: POLYMETHYL METHACRYLATE 82.68% w/w, BARIUM SULPHATE 10.00%, BENZOYL PEROXIDE 3.00% , GENTAMICIN SULPHATE 4.22%, COLOURED PIGMENTS 0.10% . Một lọ dung dịch 16,7g đã được tiệt trùng bao gồm : METHYLMETHACRYLATE 98.20% , N,N-DIMETHYL-p-toluidine 1.80%	Bộ	5
4	Khớp gối toàn phần	- Lõi cầu chất liệu CoCr có 7 cỡ. - Mâm chày chất liệu hợp kim CoCr, phủ bóng, có cơ chế khóa tiên tiến làm giảm thiểu vi chuyển động tới 25%, có thể xoay 15 độ khi duỗi, xoay 25 độ khi gấp, có 8 cỡ. - Lớp đệm mâm chày chất liệu UHMWPE polyethylene. - Bánh chèo có 5 cỡ, độ dày tương ứng là 7.5/8/8.5/9/9.5mm - Xi măng có kháng sinh gồm: thành phần bột xi: Poly (methylacrylate/methylmethacrylate): 33.7 g; Zirconium dioxide: 6 g; Benzoyl peroxide: 0.3 g; Gentamicin (Sulfate / Base): 0.8g/ 0.5g; thành phần chất dẫn: Methylmethacrylate: 20ml; Hydroquinone: 60 ppm; N,N-dimethyl-p-toluidine: 0.38ml	Bộ	5
5	Xương nhân tạo có thể pha kháng sinh	Thành Phần: - 51,5 % nanocrystalline hydroxyapatite - 48,5 % calcium sulfate Thể tích: 12,5cm ³ Có công thức pha kháng sinh: Tobramycin, Gentamicin, Rifampicin, Vancomycin có sẵn trong bệnh viện	Gói	5

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương (Các thông số chỉ mang tính tham khảo, chênh lệch $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
6	Nẹp khoá bản hẹp	Chất liệu Titanium. Nẹp dày 4.8mm, rộng khoảng 13.5mm, chiều dài từ 89mm-287mm. Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt	Cái	40
7	Nẹp khoá xương đùi các cỡ	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày nẹp 6.0 mm, chiều rộng 17.5 mm. Có từ 6 đến 18 lỗ, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, chiều rộng 17.5 mm. Chiều dài nẹp từ 107 mm - 323 mm.	Cái	30
8	Nẹp khoá đầu trên xương đùi các cỡ	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày nẹp 5.2mm, chiều rộng 18.0 mm. Có từ 4- 12 lỗ. Đầu có 5 lỗ, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Chiều dài nẹp từ 145 mm - 305 mm.	Cái	70
9	Nẹp khoá đầu dưới xương đùi các cỡ	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày nẹp 6 mm, chiều rộng nẹp 16 mm. Có từ 5- 13 lỗ, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt. Chiều dài nẹp từ 156 mm - 316mm.	Cái	20
10	Nẹp khoá xương cánh tay	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày nẹp 3.6mm, chiều rộng 11mm. Số lỗ từ 4 - 12 lỗ, có xẻ rãnh, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt. Chiều dài nẹp từ 51 - 155mm.	Cái	20
11	Nẹp khoá đầu trên xương cánh tay các loại	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày 3.6mm, bề rộng 12mm. Nẹp ngắn: Có từ 3- 5 lỗ thân. Chiều dài từ 84mm - 108mm Nẹp dài: Có từ 5- 12 lỗ thân. Chiều dài từ 132mm - 258mm Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt	Cái	10
12	Nẹp khoá đầu dưới xương cánh tay	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày 2.5mm. Rộng 11.2mm. Có từ 3- 9 lỗ thân. Nẹp mặt ngoài: có 6 lỗ đầu, dài từ 65 đến 143mm Nẹp mặt trong: có 3 lỗ đầu, dài từ 59 đến 136mm Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt	Cái	10
13	Nẹp khoá mâm chày	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày nẹp 4.2 mm, chiều rộng nẹp khoảng 16 mm. Có từ 5 - 13 lỗ ở thân, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Chiều dài nẹp từ 140 mm - 300 mm.	Cái	30
14	Nẹp khoá đầu dưới xương chày các cỡ	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày 4.2mm. Nẹp mặt trong rộng 13.7 mm, Có 8 lỗ đầu, có từ 4-10 lỗ thân, chiều dài nẹp từ 116mm- 194mm. Nẹp mặt ngoài dày 14mm: có từ 9- 19 lỗ, chiều dài nẹp từ 117 mm - 277 mm. Có lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt	Cái	20
15	Nẹp khoá đầu dưới xương chày mặt trong các cỡ.	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày 4.2mm. Độ rộng 13.7mm. Có 8 lỗ đầu, có từ 4- 10 lỗ thân, chiều dài nẹp từ 116 mm - 194mm, Có lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt	Cái	5
16	Nẹp khoá đầu dưới xương chày mặt ngoài các cỡ.	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày 4.2mm. Độ rộng 14mm, có từ 9- 19 lỗ, chiều dài nẹp từ 117 mm - 277 mm. Có lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt	Cái	20
17	Nẹp khoá mắt xích các cỡ	Chất liệu Titanium nguyên chất. Độ dày nẹp 3.0mm, rộng 10mm. Có từ 5 - 18 lỗ, gồm 13 loại, chiều dài nẹp từ 64mm - 233mm.	Cái	100
18	Nẹp khoá chữ S xương đòn	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày 2.5mm, rộng 10mm. Có từ 6- 12 lỗ. Chiều dài từ 61.8 - 127.7mm.	Cái	100

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương (Các thông số chỉ mang tính tham khảo, chênh lệch $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
19	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày nẹp 2.5 mm, chiều rộng nẹp 10.5 mm. Số lỗ từ 3 - 15, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt. Chiều dài nẹp từ 86 mm - 242 mm.	Cái	20
20	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày 1.6mm, chiều rộng 6.5mm. Chiều dài từ 42 - 102mm.	Cái	5
21	Vít khóa đường kính 2.0mm dài các cỡ	Chất liệu titanium, tự taro. Đường kính 2.0mm. Chiều dài từ 6 - 30mm.	Cái	90
22	Vít khóa đường kính 3.5mm dài các cỡ	Chất liệu Titanium, tự taro. Đường kính 3.5mm. Chiều dài từ 10- 80mm.	Cái	2760
23	Vít khóa đường kính 5.0mm dài các cỡ	Chất liệu Titanium. Đường kính 5.0mm, đầu vít tự khoan, tự tạo ren.	Cái	220
24	Vít khóa đường kính 2.7mm dài các cỡ	Chất liệu titanium, tự taro. Đường kính 2.7mm, đường kính lõi vít 2.1mm.	Cái	1760
25	Vít xương cứng 3.5 toàn phần ren, dành cho nẹp đa hướng tự taro	Chất liệu titanium, toàn ren, tự taro. Đường kính 3.5mm, Chiều dài từ 10 - 130mm	Cái	245
26	Vít xương cứng 4.5 toàn phần ren, dành cho nẹp đa hướng tự taro	Chất liệu titanium, thân toàn ren, đầu vít tự taro. Đường kính 4.5mm. Chiều dài từ 14-75mm.	Cái	290
27	Đinh nội tủy rỗng nòng xương chày đa phương diện	Đinh nội tủy xương chày rỗng nòng, chất liệu titanium. Đường kính gồm các loại 8.3, 9, 10, 11,5mm. Chiều dài đinh tương ứng với 4 cỡ từ 260-420mm.	Cái	50
28	Đinh nội tủy rỗng nòng xương đùi đa phương diện	Đinh nội tủy xương đùi rỗng nòng, chất liệu titanium. Đường kính gồm các loại 9.5, 10, 11, 12mm. Chiều dài đinh tương ứng với 4 cỡ từ 320- 440mm.	Cái	20
29	Đinh nội tủy rỗng nòng đầu trên xương đùi chống xoay	Chất liệu titanium. Đường kính đầu đinh 16.5mm. - Loại ngắn: Đường kính gồm các loại: 9.3, 10, 11, 12mm. Chiều dài đinh tương ứng 170- 240mm. - Loại dài: Đường kính gồm các loại: 9.5 10, 11, 12mm. Chiều dài đinh tương ứng 320 - 440mm.	Cái	30
30	Vít chốt khóa đường kính 4.5- 5.0mm dùng với đinh nội tủy rỗng nòng	Chất liệu titanium. Đường kính 4.5mm Chiều dài 26mm đến 90mm Đường kính 5.0mm Chiều dài 26mm 100mm	Cái	300
31	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đinh nội tủy rỗng nòng	Chất liệu titanium. Đường kính phần ren là 6.3mm, đường kính thân 4.8mm. Chiều dài từ 65mm đến 125mm.	Cái	20
32	Vít chốt cổ xương đùi	Chất liệu titanium. Nòng dẫn hướng 3.5mm. Đường kính thân 10.3mm. Chiều dài: từ 70 - 120mm	Cái	30

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương (Các thông số chỉ mang tính tham khảo, chênh lệch $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
33	Vít nắp đỉnh dùng với đỉnh nội tủy rỗng nòng	Chất liệu titanium. Chiều dài gồm các loại 0, 5, 10, 15mm.	Cái	30
34	Vít nắp đỉnh cho đỉnh chống xoay	Chất liệu titanium. Chiều dài gồm các loại 0, 5, 10, 15mm	Cái	30
35	Lưỡi bào cắt phần mềm trong khớp	Thiết kế có răng hoặc không răng. Đường kính: 3.5, 4.5, 5.5 mm. có thể xoay 360 độ qua cần gạt phía trước giúp dễ thao tác trong quá trình phẫu thuật Chiều dài làm việc 13cm. - Dùng với máy bào	Cái	33
36	Lưỡi bào mài xương, sụn trong khớp	Lưỡi mài xương sử dụng trong nội soi khớp. Có thể xoay 360 độ qua cần gạt phía trước giúp dễ thao tác trong quá trình phẫu thuật Đường kính các cỡ: 3.5, 4.5, 5.5mm Chiều dài làm việc 13cm. Sử dụng cùng với tay bào có tốc độ vòng quay lên đến 16000 vòng/phút, tần số dao động lên đến 4Hz.	Cái	33
37	Lưỡi bào cắt đốt cầm máu bằng RF trong khớp	• Cung cấp tốc độ cắt lớn nhất với lượng mô lớn trong nội soi khớp vai, gối, khớp nhỏ. Bề mặt điện cực lớn giúp loại bỏ tốt các phần mô mềm cần loại bỏ, và cầm máu trong ổ khớp. • Độ gập góc 30, 45, 70, 90	Cái	33
38	Dây bơm nước tạo áp lực bằng máy	Dây sử dụng cho máy bơm nước sử dụng cho mổ nội soi khớp. Vật liệu: nhựa có bộ chip điều khiển được dòng nước : tốc độ và áp lực dòng chảy. Sử dụng với máy bơm nước có áp lực lên đến 200 mmHg	Cái	33
39	Vít treo gân phần mềm dây loại điều chỉnh chiều dài	Dùng cho nội soi tái tạo dây chằng Nẹp bằng titanium, 4 lỗ có vòng treo điều chỉnh được chất liệu UHMWPE UPS 6 fiber suture, có hai sợi chỉ riêng biệt dùng lật và kéo, chất liệu chỉ UHMWPE. Kích thước thanh treo: 4x12mm Lực kéo 1144 Newton Cơ chế một chiều, vòng treo chỉ thắt lại, không nới được	Cái	33
40	Vít treo gân lõi cầu đùi tự chỉnh chiều	Dùng cho nội soi tái tạo dây chằng Nẹp bằng titanium, 4 lỗ có vòng treo điều chỉnh được chất liệu UHMWPE UPS 7 fiber suture, có hai sợi chỉ riêng biệt dùng lật và kéo, chất liệu chỉ UHMWPE. Kích thước thanh treo: 4x12mm Lực kéo 1843,76 Newton Cơ chế một chiều, vòng treo chỉ thắt lại, không nới được	Cái	33
41	Chi khâu gân	Chất liệu: Polyethylene Cao phân tử siêu bền (UHMWPE), bề rộng chỉ 1.40 mm. Lực kéo 576,12 N/mm ² - Cố định mô mềm trong nội soi khớp	Cái	66

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ PHỤC VỤ CHUYÊN KHOA NGOẠI THẦN KINH LỒNG NGỰC NĂM 2024-2025

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật (Các thông số chỉ mang tính tham khảo, chênh lệch ± 10%)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vít đa trục các cỡ kèm ốc khoá trong	Vít cột sống lưng chất liệu hợp kim Titanium, mũ vít có đường kính từ 4.5mm đến 7.0mm, góc mở của vít đa trục tối thiểu 40 độ, chiều dài từ khoảng 20mm đến 90mm, mũ vít tự taro, với chiều cao 15.1mm và đường kính 13.5mm. Tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương Vít ốc khoá trong chất liệu Titanium có bước ren dạng liên kết, phần giữa đặc lòng. Kích thước 9.5x 1.25. Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương	Cái	60
2	Nẹp dọc	Nẹp dọc cột sống chất liệu hợp kim Titanium, dài khoảng 440mm, đường kính 5.5mm Tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương.	Cái	10
3	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại thẳng	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại thẳng các cỡ, dài khoảng 28mm, chất liệu Peek. Cấu tạo dạng khoang có răng chống trượt ra phía sau, có lỗ tròn tăng mật độ kết hợp xương. Có điểm đánh dấu xác định vị trí.	Cái	5
4	Nẹp nối ngang	Nẹp nối ngang các cỡ chất liệu Titanium, đường kính 4.5mm, chiều dài từ 50 đến 70mm, tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương	Cái	20
5	Vít đa trục rỗng nòng bắt qua da kèm ốc khoá trong	- Vít đa trục rỗng nòng dùng trong phẫu thuật qua da có lỗ bơm xi măng, chất liệu hợp kim Titanium, mũ vít có đường kính từ 4.5mm đến 7.0mm, góc mở của vít đa trục tối thiểu khoảng 40.26 độ. Mũi vít có 3 rãnh tự taro, chiều dài vít từ 20mm đến 90mm. Tương thích với nẹp dọc uốn sẵn đường kính 5.5mm. - Ốc khoá trong tự gãy khi siết đến lực nhất định, chất liệu hợp kim Titanium, đường kính khoảng 9mm, chiều cao tối thiểu 10mm. Tiêu chuẩn FDA, ISO hoặc tương đương	Cái	50
6	Nẹp dọc uốn sẵn dùng cho vít qua da	- Vật liệu titanium - Nẹp dọc uốn sẵn đường kính 5.5mm, độ dài từ 30mm đến 200mm. Nẹp dọc tương thích với dụng cụ luồn nẹp dọc tại chân vít. Tiêu chuẩn FDA, ISO hoặc tương đương	Cái	20
7	Kim chọc dò vào cuống sống	Kim chọc dò vào cuống sống size 11G, dài tối thiểu 15cm tay cầm chữ T	Cái	20
8	Bộ bơm xi măng loại 2 bóng	- Bộ bơm xi măng cột sống loại 2 bóng, bao gồm: 02 Bóng nong thân đốt sống các size. Áp suất tối đa của bóng chịu được là 400psi - 27bar. 02 Bơm áp lực cho bóng nong thể tích bơm tối thiểu 25ml. 02 kim chọc dẫn đường vào thân đốt sống cho bóng nong loại 11G, dài tối thiểu 15cm 06 kim chọc đẩy xi măng vào thân đốt sống đường kính khoảng 2.9mm, dài tối thiểu 20cm, dung tích tối thiểu 1.5ml 01 kim sinh thiết đường kính 14G dài 22cm. 02 kim chọc tạo đường hầm vào thân đốt sống đường kính khoảng 3.0mm, dài tối thiểu 20cm 01 Bơm áp lực đẩy xi măng dạng kín, có van kết nối, bộ trộn vừa có chức năng trộn vừa có chức năng nạp xi măng vào kim chứa xi măng. Bộ trộn đi kèm 01 phễu đổ xi măng và 01 đầu lọc (filter) đóng tiệt trùng. 01 tấm trải dụng cụ tiệt trùng. 01 hộp xi măng gồm: 01 gói xi măng độ nhớt thấp khối lượng tối thiểu 20g (tối thiểu 30% Bariumsulfate) kèm dung dịch pha tối thiểu 10ml	Bộ	10
9	Bộ bơm xi măng loại 1 bóng	Bao gồm: - Bơm áp lực cho bóng nong có tay cầm dạng chữ T, thể tích xi măng tối thiểu 20ml; áp suất từ -7 đến 441 psi hoặc tương đương. Có thể đẩy hoặc xoay bơm để làm phẳng hoặc làm xẹp bóng trong khi phẫu thuật. (01 cái) - Bóng nong, áp suất của bóng nong 400 psi áp suất -1 đến +30 atm/bar (từ -7 đến 441 psi) (01 cái) - Kim chọc dò qua đốt sống cỡ 11G dài tối thiểu 12.5cm(02 cái) - Kim chọc dò tạo đường hầm vào thân đốt sống dạng mũi khoan hoặc tương đương, dài tối thiểu 19cm đóng tiệt trùng (01 cái) - Kim đẩy xi măng vào thân đốt sống dài tối thiểu 19.5cm, dung tích ≥1.5cc xi măng(03 cái) - Bộ trộn xi măng dạng kín, dung tích tối thiểu khoảng 40ml có thìa và phễu đổ xi măng và 4 xi lanh - 01 tấm trải dụng cụ tiệt trùng - 01 gói xi măng có tối thiểu 20g xi măng kèm 10ml dung dịch pha. Xi măng chứa tối thiểu 30% Barium sulfate	Bộ	50

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật <i>(Các thông số chỉ mang tính tham khảo, chênh lệch ± 10%)</i>	Đơn vị tính	Số lượng
10	Bộ bơm xi măng cột sống loại không bóng	Bộ gồm: 02 Kim cán chữ T, chiều dài tối thiểu 15 cm, đường kính các loại 11G/13G 01 gói xi măng độ nhớt thấp, khối lượng xi măng tối thiểu 20g (khoảng 30% Bariumsulfat) kèm 10 dung dịch pha (khoảng 99,6% Methyl methacrylate) 01 Bơm áp lực đẩy xi măng dạng kín, có van kết nối dạng Lure Lock hoặc tương đương, trên thân bộ trộn có vạch đo dung tích xi măng, bộ trộn vừa có chức năng trộn vừa có chức năng bơm xi măng, bộ trộn đi kèm 01 phễu đổ xi măng và 01 đầu lọc đồng tiết trùng, 01 tấm trải vô trùng. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương	Bộ	20
11	Đầu đốt sóng cao tần dùng cho cột sống, tạo hình nhân nhầy đĩa đệm và bệnh lý cơ, xương khớp	- Kim đốt vừa có chức năng dẫn đường vào diện khớp vừa tích hợp chức năng điều trị giảm đau bằng sóng cao tần RF/PRF vừa có công để bơm thuốc. Kim đốt rẽ nhánh trong và đốt tạo hình nhân nhầy đĩa đệm dài từ khoảng 60 đến 200mm, kích thước từ 21G đến 23G. Kim có các loại thẳng hoặc cong, chế độ kích thích dây thần kinh cảm giác, chế độ kích thích dây thần kinh vận động. Kim có nhiều chế độ đốt: đơn cực, lưỡng cực và đa cực. Kim tích hợp dây cáp điện kết nối đến máy đốt. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	10

PHỤ LỤC 03: DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ PHỤC VỤ CHUYÊN KHOA NGOẠI TIẾT NIỆU NĂM 2024-2025

(Kèm theo Công văn số 485 /BVKA-DUOC ngày 12 tháng 5 năm 2023)

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương (Các thông số chỉ chỉ mang tính tham khảo, chênh lệch $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Dây dẫn đường dùng ống kính soi mềm	- Các cỡ: 0.032" - 0.035", dài 150cm - Đầu thẳng, lõi Nitinol chống gấp khúc, đoạn đầu trên dài 65mm có phủ lớp hydrophilic, vỏ vàng đen vàng.	Cái	40
2	Ống dẫn đường dùng trong niệu quản cứng, đầu thẳng	- Các cỡ: 0.032" - 0.035", dài 150cm - Cấu tạo bằng thép không gỉ phủ PTFE, thiết kế linh hoạt đầu cong hoặc đầu thẳng.	Cái	150
3	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản	- Chất liệu lõi Nitinol, phủ hydrophilic; - Các cỡ: 0.032"; 0.035", dài 150cm.	Cái	100
4	Ống thông JJ	- Phủ hydrophilic, các cỡ 5,6,7Fr. Chiều dài 26cm	Cái	370
5	Ống thông niệu quản chuyên dùng cho tán sỏi qua da	Chất liệu làm bằng Polyurethane. Chiều dài 70cm, thiết kế 1 đầu có gắn luer để bơm nước/ hóa chất. Đường kính các cỡ 6Fr, 7Fr.	Cái	110
6	Stent niệu quản	Chất liệu: Nitinol, đường kính stent: 7mm, chiều dài của stent: 7cm, Size dụng cụ đẩy: 9Fr Chiều dài dụng cụ: 70cm	Cái	4
7	Bộ nong dùng cho tán sỏi qua da	1 bộ bao gồm: - 01 vỏ que nong, cỡ 18Fr. - 06 nong thận, các cỡ 8,10,12,14,16,18Fr. - 01 kim chọc dò: cỡ 18G, Kim chọc thiết kế quan sát được bằng siêu âm. - 01 dây dẫn đường cỡ 0.035inch, chiều dài 75cm, đầu cong phủ chất làm giảm ma sát, chống xoắn.	Bộ	110
8	Stent niệu đạo	Chất liệu Nitinol, đường kính stent 10mm, chiều dài của stent từ 3 đến 4 cm, size dụng cụ đẩy: 10Fr, chiều dài dụng cụ đẩy 50cm	Cái	4
9	Miếng dán phẫu thuật chuyên dùng cho tán sỏi qua da	Chất liệu làm bằng Polyurethane. Thoáng khí và không thấm nước. Kích thước 45cm x 45cm, có phễu dẫn nước ra ngoài.	Cái	110
10	Rọ lấy sỏi (làm tán sỏi ngược dòng)	Các cỡ 3.0Fr loại 4 cạnh (loại đầu xoắn), chiều dài 90cm, có chốt khóa bắt sỏi	Cái	60



PHỤ LỤC 04: BIỂU MẪU BÁO GIÁ

STT	Tên vật tư	Tên thương mại	Mã hiệu	Mã theo danh mục dùng chung	Chi tiết kỹ thuật	Phân loại TTBYT	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Số đăng ký lưu hành	Đơn giá đã bao gồm VAT	Số lượng	Thành tiền
	(Ghi tên vật tư theo danh mục yêu cầu chào giá)		(Model sản phẩm hoặc mã hàng)	(Mã vật tư theo Quyết định 5068/QĐ-BYT ngày 04/11/2021)		(Theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế ngày 08/11/2021)						(Theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế ngày 08/11/2021)			